

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Ty	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/08/2018
Ông Phan Văn Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Chen Yu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Lê Minh Điện.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, ngoại trừ sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số 26.1, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/08/2018, từ trang 05 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO với ý kiến và kết luận kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30/06/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.599.585.858	43.320.300.319
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.617.297.613	886.377.556
Tiền	111		3.617.297.613	886.377.556
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.034.152.730	25.539.715.622
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.209.214.915	18.565.448.308
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.037.064.339	6.064.010.741
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.676.000.000	2.600.000.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(888.126.524)	(1.689.743.427)
Hàng tồn kho	140	9	13.312.365.786	15.770.225.535
Hàng tồn kho	141		13.312.365.786	15.770.225.535
Tài sản ngắn hạn khác	150		635.769.729	1.123.981.606
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	83.255.282	321.066.878
Thuế GTGT được khấu trừ	152		552.514.447	802.914.728
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.206.352.136	52.411.990.702
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản cố định	220	11	20.865.081.495	23.272.605.630
Tài sản cố định hữu hình	221		20.865.081.495	23.272.605.630
- Nguyên giá	222		33.810.212.490	34.881.903.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.945.130.995)	(11.609.298.132)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	18.794.994.445	14.388.767.557
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.786.774.095	9.388.767.557
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.008.220.350	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		546.276.196	750.617.515
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	398.783.755	603.125.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	147.492.441
TỔNG TÀI SẢN	270		93.805.937.994	95.732.291.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		16.438.106.797	17.240.564.390
Nợ ngắn hạn	310		15.915.606.797	16.526.834.336
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.014.975.377	6.258.191.696
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.772.680.421	3.974.882.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.999.450.999	2.269.060.505
Phải trả người lao động	314		-	99.253.386
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.400.000.000	120.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	3.728.500.000	3.805.307.700
Nợ dài hạn	330		522.500.000	713.730.054
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	522.500.000	713.730.054
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	77.367.831.197	78.491.726.631
Vốn chủ sở hữu	410		77.367.831.197	78.491.726.631
Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.099.990.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.099.990.000	70.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.267.841.197	8.491.726.631
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.991.736.631	8.335.079.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		276.104.566	156.646.951
TỔNG NGUỒN VỐN	440		93.805.937.994	95.732.291.021

Thái Bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hà

Lê Minh Điện

Hoàng Anh Quyết



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	24.643.794.890	30.512.102.418
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	24.643.794.890	30.512.102.418
Giá vốn hàng bán	11	18	23.383.965.044	27.253.799.191
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.259.829.846	3.258.303.227
Doanh thu hoạt động tài chính	21		42.131.527	1.374.147.777
Chi phí tài chính	22		175.911.142	210.046.843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		175.911.142	210.046.843
Chi phí bán hàng	25	19	343.680.082	653.728.978
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	106.823.846	1.530.257.989
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		675.546.303	2.238.417.194
Chi phí khác	32	21	322.017.006	2.401.300.244
Lợi nhuận khác	40		(322.017.006)	(2.401.300.244)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		353.529.297	(162.883.050)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	77.424.731	500.610.786
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	5.515.297
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		276.104.566	(669.009.133)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		276.104.566	(669.009.133)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		39	(96)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		39	(96)

Thái Bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hà

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		353.529.297	(162.883.050)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.631.502.606	1.678.378.892
Các khoản dự phòng	03		(801.616.903)	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		317.708.184	630.756.416
Chi phí lãi vay	06		175.911.142	210.046.843
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.677.034.326	2.356.299.101
Giảm các khoản phải thu	09		2.600.746.041	2.655.016.010
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		(1.940.146.789)	4.235.687.980
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		205.910.910	(5.598.168.133)
(Tăng) chi phí trả trước	12		442.152.915	234.573.150
Tiền lãi vay đã trả	14		(175.912.588)	(210.046.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(260.920.000)	(124.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.548.864.815	3.549.361.265
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.220.350)	(5.000.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		458.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		131.527	859.347.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		450.092.995	(11.140.652.223)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		3.430.000.000	3.407.559.214
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.698.037.754)	(3.789.259.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(268.037.754)	(381.700.036)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.730.920.056	(7.972.990.994)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	886.377.556	12.690.094.653
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	3.617.297.613	4.717.103.659

Thái Bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hà

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 25/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2018 là: 72.099.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 12 người (tại 31 tháng 12 năm 2017 là 60 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh là doanh thu vận chuyển và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích Công ty mẹ và lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu tư vào Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam trong giai đoạn cam kết góp vốn của các bên được xác định theo tỷ lệ vốn thực góp của các bên.

2.4 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiếu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.5 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.
- Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.

3.5 CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lớp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2018 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.9 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.437.912.728	814.564.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	179.384.885	71.813.420
	3.617.297.613	886.377.556

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	83.255.282	321.066.878
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.255.282	321.066.878
Dài hạn	398.783.755	603.125.074
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	398.783.755	603.125.074
	482.039.037	924.191.952

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	11.209.214.915	(888.126.524)	18.565.448.308	(1.689.743.427)
- Công ty TNHH Thiên An Sơn	3.688.360.219	-	5.486.803.019	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Hiệp Hòa	914.259.499	(161.875.851)	1.024.280.949	(161.875.851)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Sông Lục	1.379.950.000	-	1.379.950.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	451.100.003	(451.100.003)	1.151.100.003	(1.151.100.003)
- Công ty TNHH Auto Bike	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.775.545.194	(275.150.670)	7.523.314.337	(376.767.573)
Dài hạn	-	-	-	-
	11.209.214.915	(888.126.524)	18.565.448.308	(1.689.743.427)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.037.064.339	-	6.064.010.741	-
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thịnh Gia Phát	1.800.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	4.085.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Skylink Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	652.064.339	-	564.010.741	-
Dài hạn	-	-	-	-
	9.037.064.339	-	6.064.010.741	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.676.000.000	-	2.600.000.000	-
- Phải thu người lao động	34.000.000	-	-	-
- Ông Lê Viết Quỳnh - tiền chuyển nhượng khoản đầu tư (1)	1.900.000.000	-	1.900.000.000	-
- Nguyễn Thị Liên (2)	742.000.000	-	700.000.000	-
Dài hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (3)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	16.676.000.000	-	16.600.000.000	-

Ghi chú:

(1) Phải thu về việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con.

(2) Theo hợp đồng cho vay số 12-12/HĐ ngày 12/12/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 1%/tháng, thanh toán lãi 6 tháng/lần.

(3) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con - Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.353.459.880	-	5.087.614.397	-
Công cụ, dụng cụ	388.500.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	706.481.406	-	136.399.080	-
Thành phẩm	1.379.712.373	-	1.932.814.278	-
Hàng hóa	6.484.212.127	-	8.613.397.780	-
	13.312.365.786	-	15.770.225.535	-

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.008.220.350	5.008.220.350	5.000.000.000	5.000.000.000
- Đầu tư công trình khai thác đất (1)	5.008.220.350	5.008.220.350	5.000.000.000	5.000.000.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	13.786.774.095	13.786.774.095	9.388.767.557	9.388.767.557
- Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiến Trung Hòa Bình (2)	9.388.767.557	9.388.767.557	9.388.767.557	9.388.767.557
- Chi phí dở dang san lấp mặt bằng (3)	4.398.006.538	4.398.006.538	-	-
	18.794.994.445	18.794.994.445	14.388.767.557	14.388.767.557

(1) Khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên là công trình nhà máy gạch Tuynel Phong Phú hiện đã phát sinh chi phí mua đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với Ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất số CH02710 do UBND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận. Diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trông, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong kỳ, Công ty đã chuyển tiền thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Vinh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

(2) Khoản đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đang được Công ty tiếp tục xây dựng cho Công ty con theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

(3) Khoản chi phí dở dang san lấp mặt bằng tại xóm Rút, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ký ngày 01 tháng 01 năm 2018.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	19.833.763.271	4.522.329.368	10.525.811.123	34.881.903.762
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.071.691.272)	(1.071.691.272)
30/06/2018	19.833.763.271	4.522.329.368	9.454.119.851	33.810.212.490
HAO MÒN LÚY KẾ				
01/01/2018	(4.637.042.115)	(2.217.840.556)	(4.754.415.461)	(11.609.298.132)
- Khấu hao trong kỳ	(680.310.462)	(370.647.168)	(580.544.976)	(1.631.502.606)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	295.669.743	295.669.743
30/06/2018	(5.317.352.577)	(2.588.487.724)	(5.039.290.694)	(12.945.130.995)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	15.196.721.156	2.304.488.812	5.771.395.662	23.272.605.630
30/06/2018	14.516.410.694	1.933.841.644	4.414.829.157	20.865.081.495

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 số tiền: 729.574.300 đồng.

- Giá trị còn lại của những tài sản đem cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2018 số tiền: 1.765.361.586 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.014.975.377	7.014.975.377	6.258.191.696	6.258.191.696
- Công ty TNHH hóa dầu và chất đốt	733.103.010	733.103.010	763.248.330	763.248.330
- Công ty TNHH ĐĐ62	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000
- Công ty TNHH Hiền Anh	802.593.000	802.593.000	-	-
- Công ty TNHH Thái Dương	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Các đối tượng khác	3.575.279.367	3.575.279.367	3.590.943.366	3.590.943.366
Dài hạn	-	-	-	-
	7.014.975.377	7.014.975.377	6.258.191.696	6.258.191.696

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản người mua ứng trước ngắn hạn	1.772.680.421	1.772.680.421	3.974.882.421	3.974.882.421
- Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	499.984.761	499.984.761	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	892.000.000	892.000.000	-	-
- Các đối tượng khác	380.695.660	380.695.660	3.974.882.421	3.974.882.421
Các khoản người mua ứng trước dài hạn	-	-	-	-
	1.772.680.421	1.772.680.421	3.974.882.421	3.974.882.421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2018
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	603.066.238	2.424.662.443	2.577.967.790	449.760.891
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.553.082.477	77.424.731	260.920.000	1.369.587.208
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.580.000	2.580.000	-
- Thuế tài nguyên	53.440.000	-	-	53.440.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	67.191.110	-	67.191.110
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.471.790	-	-	59.471.790
	2.269.060.505	2.571.858.284	2.841.467.790	1.999.450.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Nội dung	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	3.430.000.000	3.430.000.000	3.422.807.700	3.422.807.700
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	3.422.807.700	3.422.807.700
Nợ dài hạn đến hạn trả	298.500.000	298.500.000	191.230.054	382.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	156.000.000	156.000.000	120.000.000	240.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	142.500.000	142.500.000	71.230.054	142.500.000
Cộng	3.728.500.000	3.728.500.000	3.621.230.054	3.805.307.700
Vay dài hạn	522.500.000	522.500.000	-	713.730.054
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	380.000.000	380.000.000	-	500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	142.500.000	142.500.000	-	213.730.054
Cộng	522.500.000	522.500.000	-	713.730.054

Ghi chú:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng cấp tín dụng hạn mức số 124/2017/HDTD/HMI/01 ngày 30/3/2017, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30/3/2017 đến ngày 30/3/2018, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết.
- Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tài biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2017	70.000.000.000	8.850.160.412	78.850.160.412
- Giảm khác (*)	-	(515.080.732)	(515.080.732)
- Lãi trong năm	-	156.646.951	156.646.951
31/12/2017	70.000.000.000	8.491.726.631	78.491.726.631
01/01/2018	70.000.000.000	8.491.726.631	78.491.726.631
- Lợi nhuận trong kỳ	-	276.104.566	276.104.566
- Tăng vốn trong kỳ	2.099.990.000	(2.099.990.000)	-
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
30/06/2018	72.099.990.000	5.267.841.197	77.367.831.197

(*) Điều chỉnh hồi tố chi phí năm 2017 theo biên bản thanh tra thuế.

(**) Trong kỳ Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017.

Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.209.999	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.209.999	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.209.999	7.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.209.999	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.209.999	7.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	24.198.782.890	25.565.395.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	445.012.000	4.946.707.060
	24.643.794.890	30.512.102.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn bán hàng	23.265.711.409	23.305.948.849
Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.253.635	3.947.850.342
	23.383.965.044	27.253.799.191

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	106.823.846	1.530.257.989
Chi phí nhân viên	172.593.137	405.050.520
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.168.189	323.240.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.351.440	443.868.126
Chi phí thuế, phí, lệ phí	67.191.110	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.136.873	121.420.778
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(801.616.903)	-
Chi phí quản lý khác	-	236.678.498
Các khoản chi phí bán hàng	343.680.082	653.728.978
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	406.713.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.446.662	247.015.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.233.420	-
	450.503.928	2.183.986.967

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.638.397.670	2.891.455.308
Chi phí nhân công	297.729.137	1.290.945.880
Chi phí đồ dùng văn phòng	333.939.531	1.705.955.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.913.388	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(801.616.903)	444.660.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.361.403	264.221.675
	5.009.724.226	6.597.239.084

21. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	322.017.006	2.004.904.193
Các khoản chi phí khác	-	396.396.051
	322.017.006	2.401.300.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	382.947.259	311.539.479
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.176.395	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Chuyển lỗ	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	387.123.654	311.539.479
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	77.424.731	62.307.896
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	(29.417.961)	(165.602.962)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	24.400.000	2.357.117.406
Chuyển lỗ		
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	(5.017.961)	2.191.514.444
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành của Công ty con	-	438.302.890
Thuế TNDN hiện hành hợp nhất	77.424.731	500.610.786

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ là:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	209.999	-
<i>Phát hành ngày 28/02/2018</i>	209.999	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	7.141.922	7.000.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	276.104.566	(669.009.133)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	7.141.922	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	39	(96)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.617.297.613	886.377.556
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng	10.321.088.391	16.875.704.881
Phải thu khác	16.676.000.000	16.600.000.000
Cộng	30.614.386.004	34.362.082.437
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	4.251.000.000	4.519.037.754
Phải trả người bán	7.014.975.377	6.258.191.696
Phải trả khác	32.249.471.202	32.249.471.202
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	43.515.446.579	43.026.700.652

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2018			
Vay và nợ	3.728.500.000	522.500.000	4.251.000.000
Phải trả người bán	7.014.975.377	-	7.014.975.377
Phải trả khác	32.249.471.202	-	32.249.471.202
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	42.992.946.579	522.500.000	43.515.446.579
01/01/2018			
Vay và nợ	3.805.307.700	713.730.054	4.519.037.754
Phải trả người bán	6.258.191.696	-	6.258.191.696
Phải trả khác	32.249.471.202	-	32.249.471.202
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	42.312.970.598	713.730.054	43.026.700.652

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KHI KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 25/08/2018 Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp. Theo đó, Công ty tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ 70.000.000.000 đồng lên 72.099.990.000 đồng.

26.2 THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập của ban Giám đốc	25.548.000	25.548.000
Tiền lương, thưởng	25.548.000	25.548.000

26.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được soát xét.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thái Bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018
Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hà

Lê Minh Điện

Hoàng Anh Quyết

Số: ~~65~~/2018/TCKT-TTZ

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả hoạt động trong BCTC hợp nhất đã được Soát xét 6 tháng năm 2017 với 6 tháng năm 2018.

Thái bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh giữa 6 tháng năm 2018 (Kỳ báo cáo) và báo cáo 6 tháng năm 2017 (cùng kỳ trước) Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét như sau:

STT	Nội dung	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017	Thay đổi + (%) giữa 6T/2018 so với 6T/2017
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	24,685,926,417	31,886,250,195	77%
	Doanh thu hoạt động chính	24,643,794,890	30,512,102,418	81%
	Doanh thu hoạt động tài chính	42,131,527	1,374,147,777	3%
	Doanh thu khác	-	-	
2	Tổng chi phí	24,332,397,120	32,049,133,245	76%
	Giá vốn hàng bán	23,383,965,044	27,253,799,191	86%
	Chi phí lãi vay	175,911,142	210,046,843	84%
	Chi phí bán hàng	343,680,082	653,728,978	53%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	106,823,846	1,530,257,989	7%
	Chi phí khác	322,017,006	2,401,300,244	13%
3	Lợi nhuận trước thuế	353,529,297	(162,883,050)	-217%
4	Lợi nhuận sau thuế	276,104,566	(669,009,133)	- 41%



1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất của Công ty 6 tháng năm 2018 đạt 77% so với cùng kỳ năm 2017, là do:

Doanh thu của Công ty mẹ chỉ đạt 84% so với cùng kỳ năm 2017 (như đã phân tích tại phần Chênh lệch kết quả HĐKD của Công ty mẹ);

Do Nhà máy gạch Tuynel của Công ty con TNHH Tiến Trung Hòa Bình tạm dừng hoạt động để nâng cấp, sửa chữa cho phù hợp yêu cầu chất lượng sản phẩm của thị trường, nên doanh thu của Công ty con sụt giảm đôi chút so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong năm công ty thu hồi các khoản tiền cho vay cá nhân để sử dụng và mục đích sản xuất kinh doanh, nên không phát sinh thu nhập tài chính trong kỳ.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Tổng chi phí hợp nhất 6 tháng 2018 đạt 76% so với cùng kỳ năm 2017 là do sụt giảm về doanh thu trong kỳ tương ứng (như đã phân tích ở trên).

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty trong 6 tháng 2018 đạt 276 triệu đồng so với khoản lỗ 6 tháng năm 2017 là xấp xỉ 700 triệu đồng, mặc dù doanh thu chỉ đạt 77% so với kỳ cùng kỳ năm trước. Điều này phần nào phản ánh việc tái cấu trúc toàn diện Công ty đã có những chuyển biến tích cực.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh 6 tháng 2018 so với 6 tháng 2017 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung đã được soát xét.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Hoàng Anh Quyết



Số: 6/2018/TCKT - TTZ

Thái bình, ngày 30 tháng 08 năm 2018

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán đã được Soát xét BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2018.

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình sự chênh lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán đã được soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2018 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: vnd

STT	Chi tiêu thay đổi trên báo cáo kết quả kinh doanh	Mã chi tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21,131,527	42,131,527	21,000,000
2	Thu nhập khác	31	1,340,011,718	-	1,340,011,718
3	Chi phí bán hàng	25	265,942,229	343,680,082	77,737,853
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	834,224,852	106,823,846	727,401,006
5	Chi phí tài chính	22	158,630,567	175,911,142	17,280,575
6	Chi phí khác	32	805,310,682	322,017,006	483,293,676
7	Lợi nhuận trước thuế chưa phân phối	50	556,864,761	353,529,297	203,335,464
8	Lợi nhuận sau thuế	60	442,144,537	276,104,566	166,039,971



Nguyên nhân:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng lên 21,000,000 đồng là do trong kỳ chưa ghi nhận khoản lãi cho vay hoạt động tài chính;
- Thu nhập khác giảm 1,304,011,718 đồng là do: Công ty hạch toán sai bút toán nên phải điều chỉnh giảm tương ứng;

- Chi phí bán hàng tăng 77.737.853 đồng là do: Công ty hạch toán thiếu phần khấu hao TSCĐ phân bổ vào chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm số tiền 727.401.006 đồng do điều chỉnh giảm chi phí trích lập dự phòng vì đã thu được khoản nợ khó đòi tương ứng trước thời điểm thực hiện soát xét.
- Chi phí tài chính tăng 17.280.575 đồng là do: Công ty hạch toán thiếu phần tính lãi vay.
- Chi phí khác giảm 483.293.676 đồng là do: Sau kiểm toán đã điều chỉnh bút toán tự bù trừ thu nhập từ bán xe và phần giá trị còn lại của TSCĐ và điều chỉnh chi phí thuế
- Lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán là 276.104.566 đồng giảm số tiền 166.039.971 đồng so với số trước kiểm toán là 442.144.537 đồng do: Công ty hạch toán thiếu và sai bút toán như trên nên lợi nhuận giảm tương ứng.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**

